TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thường và ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ: khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 281, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0398997443.

- Bị đơn: ông Trần Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: khóm T, xã P, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà H có mặt. Bị đơn ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Được hai bên gia đình chấp thuận, vào năm 1999 bà với ông Trần Văn T quyết định sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sông hạnh phúc, vui vẻ và sinh một đứa con chung. Đến tháng 9/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bà phát hiện ông T có quan hệ bất

chính với người phụ nữ khác. Từ đó tình cảm giữa bà với ông T không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Thu H xin được ly hôn với ông Trần Văn T.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trần Tấn T sinh ngày 17/02/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn T: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H xin được ly hôn ông Trần Văn T; bị đơn ông Trần Văn T có đăng ký nơi thường trú tại khóm Thanh Niên, xã Phú Hòa, tỉnh An Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Bà Lê Thị Thu H và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã Phú Hòa, tỉnh An Giang); được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011 ngày 28/02/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H, thấy: trong quá trình sống chung thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2024 thì ông T có quan hệ và sống như vợ chồng với người phụ nữ khác dẫn đến việc bà H mất niềm tin và không còn tình cảm với chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà H đã quyết định sống ly thân từ tháng 9/2024. Trong thời gian sống ly thân ông T cũng có năn nỉ bà H hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý và nay kiên quyết xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà H để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng

giữa bà H và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3.3] Về quan hệ con chung, thấy: qua chứng cứ bà H cung cấp thì bà H và ông T có 01 con chung tên Trần Tấn Trung sinh ngày 17/02/2000 nay đã trưởng thành.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trần Tấn Trung sinh ngày 17/02/2000 nay đã trưởng thành

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021903 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang) nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Thu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm